TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST -HNGĐ	*Định Hoá, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm: 1988.

Nơi ĐKHKTT: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm KC, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lưu Sùng T1, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Xóm KC, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và anh Lưu Sùng T1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Khi ly hôn chị Triệu Thị T và anh Lưu Sùng T1 thống nhất thỏa thuận để anh Lưu Sùng T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lưu Thị Thanh T2, sinh ngày 23/10/2006, Lưu Thị Như Q, sinh ngày 08/6/2009 và Lưu Thanh Nh, sinh ngày 20/8/2010 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Thị T và anh Lưu Sùng T1 thống nhất thỏa thuận hàng tháng chị Triệu Thị T có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con Lưu Thị Thanh T2, sinh ngày 23/10/2006 với mức 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/01 tháng (trên một tháng); Lưu Thị Như Q, sinh ngày 08/6/2009 với mức 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/01 tháng (trên một tháng) và Lưu Thanh Nh sinh ngày 20/8/2010 với mức 1.000.000^{đ} (một triệu đồng)/01 tháng (trên một tháng) cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả Tơng ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị T và anh Lưu Sùng T1 xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Triệu Thị T và anh Lưu Sùng T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Triệu Thị T tự nguyện chịu 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} theo biên lai thu số 0008787 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- Các đương sự (2 bản);
- UBND xã BL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thiện Hoàng